

Bạch Sơn Hành

Phần I: Nguyên Tác

1. Bồng hồ trong chốn thiên thai nhà.
Cảnh cảnh tình tình dễ nói ra
Hồn cũ giấc hương quan khi đã.
Mình nay cơ thể sự đương là
Ba ngàn năm lại xuân đào lý.
Một tấc thiêng bưng sáng cỏ hoa.
Trời đất còn mưa mưa nắng nắng
Sông xanh núi trắng vẫn dành ta.
2. Phất trần toan cõi gió hiu hiu
Ngoảnh lại Nam đàn sấm Mã ngư.
Nội bái tòa muôn quân tập-nập
Dòng phong quanh quần tá rập-riù.
Đào hoa cửa động cơ hành chi
Bích ngọc đầu non nghĩa khứ lưu.
Biểu chiến một đồ thơ nhập hải
Trăm dân cùng thiên mưu quý mưu.
3. Doanh Châu mới biết là chủ nhân.
Núi Tản sông Thao rút nhỏ dần
Biệt nước non đi thiên cổ hận
Về giang sơn lại vạn niên xuân .
Thài lài ngấn cũ Rồng bay vết.
Gianh trúc nền nay Việt hiện thân.
Hồng Lạc tính linh ta bất tử
Ngoảnh trông kiếp trước dạ tần ngần.
4. Hoàng Long bán củi chợ Tràng An
Hồng Lạc tên ta gọi Tản ngàn.
Đạo ở thiên căn Kinh độc lập
Cơ trong nguyệt quật động chu hoàn.
Nhất nguyên tóm lại ngôi hoàng cực
Vô hạn trùm ra khoảng thể gian.
Xuất nhập cứ theo đường thượng kính
Ngàn năm ta ký chốn thanh nhàn.

4823 T.V.

Phần II: Chú Giải

A. Giải nghĩa những chữ khó

Bạch Sơn hành: Hành khúc núi Trắng. Có nhiều giả thuyết về Núi Trắng:

1. Truyền thuyết: Núi Trắng ở huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình, dân địa phương quen gọi là núi Mũ vì nó giống như cái mũ đội trên đầu. Thời hậu Trần, Hoàng Phúc đến đây thấy hình thế sông núi này có câu: "Bạch sơn lục thủy chi gian tất hữu hoàng y xưng trẫm".

2. Theo Việt Điện U Linh tập của Lý Tế Xuyên, lời tiếm bình của Cao Huy Diêu trong truyện "Tản Viên Sơn Thánh" nói rõ về địa mạch núi Tản Viên, có dẫn cựu ký truyền lại, và bản thảo Phong Thủy của Cao vương (Cao Biền) nói: Cao vương muốn dùng thuật để yểm núi Tản Viên. Thấy Sơn Thần cỡi ngựa trên giữa trời mắng nhiếc rồi đi. Nói về ngọn núi Tản Viên có ghi: "Ngọn núi đá trắng từng khóm, chỉ đứng trông thì được chứ muốn lên thì không được"

(nguyên văn chữ Hán: “Sơn tiêu bạch thạch nhất tùng. Khả vọng nhi bất khả tức” (Phải chăng nay là núi Trắng?).

Sông xanh:

1- Theo Nguyễn Trãi “Dư Địa Chí” nói về sông Thao có ghi: “Năm trăm năm lại một lần trong” (Phải chăng đây là sông Xanh?).

2- Sông Thương? Vì Thương là xanh.

3- Sông Thanh Thúy? (Nhất Linh viết: “Dòng sông Thanh Thúy” là dòng nào?)

Tóm tắt: Việc tìm hiểu về Núi Trắng, sông Xanh, hoặc theo truyền thuyết hay sách vở, dư luận vẫn còn trong nghi vấn, chưa xác định hẳn ở một vị trí nào. Ngay cả lời báo cáo của thượng thư Hoàng Phúc là một nhà địa lý được vua nhà Minh phái sang trong thời Lê Lợi kháng chiến để kiểm soát về mặt đất đai (phong thủy). Trong bài báo cáo chỉ nói: “Trong khoảng Núi Trắng sông Xanh tất sẽ có người mặc áo vàng xưng trẫm. Tự ba đến năm trăm năm.” Chỉ nói “trong khoảng” biết rằng khoảng nào?

Bồng Hồ: Thiên Thai. Theo văn học cổ: Bồng Hồ, Bồng Đảo, Bồng Lai, Thiên Thai đều là những nơi tiên ở. Ở đây, tác giả giới thiệu tiên trong cảnh tiên của nhà, tức là tự giới thiệu mình là dòng dõi Tiên Long đương sống trong kiếp hiện sinh ở Tiên Long châu là cảnh thiên thai.

Giới thiệu thiên thai nhà để nói lên những nét khác biệt với thế giới thần tiên xuất thế, xa lánh cõi đời, ở nơi Bồng Hồ, bồng đảo, ngoài cõi thế giới loài người, và cũng nói lên niềm kiêu hãnh, tự hào với cái tiên cách khác thường của mình là con người độc lập, nhân chủ, nhập thế với tình yêu thương cao cả, có trách nhiệm thiêng liêng đối với cảnh thiên thai nhà của mình.

Hồn cũ: Hồn người trong kiếp vãng sinh của mình.

Giấc hương quan: Giấc mơ của người tha phương mơ về làng cũ. Làng cũ rộng ra là nước cũ. Danh từ cố hương, cố quốc trong tâm hồn người thương làng yêu nước luôn luôn có những ước mơ báo về vang cho nước cho làng.

Mình nay: Hiện thân của mình đương sống trong kiếp hiện sinh ở đời.

Ba ngàn năm: Theo ý xưa, 30 năm có một tiểu biến, 300 năm có một đại biến; 3000 năm có một thay đổi lớn, trọn vẹn. Ở đây “Ba ngàn năm” là khoảng cách thời gian từ kiếp trước qua đi, kiếp này trở lại của tác giả.

Xuân đào ký: Mùa xuân, đào lý nở hoa tượng trưng vẻ tốt tươi, trăm hoa đua nở, mặt khác cũng tượng trưng sự xum họp, quy tụ những mặt tài hoa xuất chúng. Theo Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu giải thích: Ông Đinh Nhân Kiệt hay tiến cử người hiền nên đời khen là “Đào lý tại công môn” nghĩa là người

hiền đều ở cửa ông ấy cả. Nay gọi các kẻ môn hạ là "Môn tường đài lý" do người ấy.

Một tắc thiêng: Chữ tâm là lòng, là dạ, thường gọi: Một tắc lòng, hay tắc dạ. Cũng có tên gọi là "linh đài", đài thiêng. Ở đây: Một tắc thiêng cũng là nghĩa ấy.

Sông Xanh Núi Trắng: Đã giải ở trên.

Phất trần: Đồ dùng bằng lông để phảy bụi. Ta thường thấy hình ảnh các vị tiên trong tranh luôn luôn thấy tay cầm cái phất trần. Tiêu biểu cho sự phất hết bụi ở trần gian để tiêu dao không ngày tháng nơi thiên thai. Bồng đảo, ông tiên, tác giả thơ này cũng toan làm như thế, nhưng chưa hết nợ với trần duyên nên còn phải ngoảnh lại nơi trần thế.

Nam đàn: Vũ đài chính trị ở nơi diễn đàn phương Nam, nói về khu vực Đông Nam Á?

Sấm Mã Ngưu: Trong sấm Trạng Trình có câu: "Mã Ngưu thiên hạ động, đình đình đái đông phong". Nếu đúng nhằm vận hội như lời sấm dự phóng nói trên thì lúc đó tình thế sẽ diễn ra như: "Nội báỉ tủa muôn quân tấp nập - Đông phong quanh quần tá dập dìu". Nội báỉ cũng như Đông phong chưa biết ở đâu? Hoặc giả nên giữ bí mật quân sự. Dù sao 2 chữ đó cũng không làm tối nghĩa được câu thơ, cứ tạm hiểu đó là nơi xuất phát từ nội tủa ra, hay từ Đông phong tập trung lại. Muôn quân tấp nập gồm cả tướng tá quân sự. Còn chữ quân tá dập dìu ở dưới là những nhân tài tham mưu luôn luôn bên cạnh cho nên nói dập dìu.

Đào hoa cửa động: Đào nguyên là nơi tiên ở, thường gọi Động đào hay nguồn đào, hai bên bờ nguồn lối đi vào cửa động có nhiều đào quanh năm ngày tháng nở hoa.

Bích ngọc đầu non: Trong núi này có động tiên thì đầu núi này hẳn phải có những hình tượng như những tảng đá, chòm núi, đến như những hạt cát óng ánh người lạ cũng gọi là ngọc. Trong thơ: "Tiên tử động, trung hữu hoài Lưu Nguyễn" ở câu luận có ghi: "Ngọc sa dao thảo duyên Khê Bích - Lưu thủy đào hoa mãn giản hương". Câu thơ này rõ ràng là tả động Đào Nguyên. Cho nên tứ ở đây: "Đào hoa cửa động, Bích ngọc đầu non" là tả đúng cảnh vật ở Động đào vậy.

Cơ hành chỉ: Cơ: thời cơ, cơ hội. Hành: Đi ra làm, hoạt động. Chỉ: thôi, ngừng lại, ở lại. Cơ hành chỉ nghĩa là gặp thời cơ thuận tiện thì đứng lên đi ra mà làm việc, hoạt động, gặp thời cơ bất tiện, không tốt thì thôi, ngừng lại, không làm nữa về ở ẩn.

Nghĩa khứ lưu: Nghĩa: việc làm phải, tốt đối đãi giữa người này với người khác. Khứ: đi, lưu: ở lại. Danh từ khứ lưu thường dùng trong cuộc tiễn biệt. Khứ: kẻ đi; lưu: người ở lại. Hai câu thơ trên, tác giả tả hình ảnh khi từ biệt động Tiên, ngoài cửa động có hoa đào, trên đầu non có ngọc bích đó là cảnh tượng thiên nhiên nơi tiên cảnh. Song khi đương vui với cảnh non nước hữu tình, đột nhiên từ giã ra đi, trong giờ phút lâm biệt dù là người tiên chẳng nữa cũng không thể không có những xúc động. Cho nên giữa cảnh vật với khách ra đi giờ này trở thành một luồng linh cảm. Tác giả cho rằng những đóa hoa đào ở nơi động dường như ý thức được cái cơ hành chỉ của mình, nên đã tỏ vẻ ngập ngừng trước gió như ý luyến tiếc. Cũng như bích ngọc ở đầu non cũng như bịn rịn tỏ nghĩa khứ lưu.

Biệt chiếm: Riêng biệt chiếm lĩnh, có tính cách độc quyền.

Đồ thơ hay đồ thư? Theo chúng tôi thì đồ thư đúng hơn. Vì “đồ thư” là Hà Đồ và Lạc Thư, hai vật thần này trở thành hai nguyên lý làm nền tảng cho đạo lý của kinh Dịch, trong đó chứa đựng những quy luật của vũ trụ. Các vị thánh vương xưa nay nắm vững được đạo lý đó để: Lập tâm cho trời đất, lập mệnh cho nhân sinh làm vàng đá trao truyền trong muôn thuở.

Nhập hải: Đi vào trong cõi Đại Nam Hải.

Thiên mưu: Mưu trời, mưu đồ phi thường.

Quý mưu: Chúc quý: mưu lược thần lược.

Doanh châu: Ngày xưa cho là chỗ tiên ở, nay gọi các gia quyến nhà người khác là “doanh gia” hay doanh quyến nghĩa là ca tụng như dòng dõi Tiên vậy (Thiêu Chử, Hán Việt Tự Điển). Ý nghĩa của câu này: Chỉ có Doanh châu, đất nước nhà Tiên thì mới biết được Tiên tử là chủ nhân của đất nước hôm nay đã trở về sau 3000 năm biệt nước non đi.

Núi Tản Sơn Thao: Đã giải thích ở trên, nhưng ở đây có chữ “rút nhỏ gần” cần phải tìm hiểu cho rõ. Câu trên ta đã đồng ý với Thiêu Chử “Doanh Châu là chỗ tiên ở, đồng nghĩa với “Tiên Long Châu”. Chỉ có Doanh châu mới biết tiên tử là chủ nhân đất nước một cách không khác lạ. Trái lại, chủ nhân nhận Doanh Châu có thể hơi khác: Nếu lấy Núi Tản sơn Thao làm trung tâm, nhìn rộng ra bờ cõi Tiên Long châu ngày trước thì từ ranh giới nước non Lạc Nhũ, trong khoảng gió đèo Ngũ Lĩnh mây quan Trà Bà là gồm cả khu vực Đại Nam Hải nữa; Đất nước Doanh Châu rộng lớn là như thế, mà nay sao thấy rút nhỏ gần lại với trung tâm núi Tản sơn Thao?

Thiên cổ hận: Mỗi hận tự ngàn xưa.

Vạn niên xuân: Muôn năm lâu dài.

Thài lài ngắn cũ Rồng bay vết
Gianh trúc nền nay Việt hiện thân.

Theo truyền thuyết: Trong một hang núi thuộc miền Thanh Hóa có nổi lên một di tích như hình biểu tượng Tiên Rồng. Tác giả có thuật lại qua câu: “Vết Tiên Rồng ai khắc qua mưa nắng?” Hình biểu tượng này lâu ngày bị một thứ cỏ gọi là cỏ thài-lài mọc phủ lên. Câu thơ trên đây nói: Vết cũ Tiên Rồng đã bay đi để hiện thân trên con người tác giả hôm nay, tức là Việt hiện thân.

Nhìn qua hình thức chữ nghĩa hay câu thơ này, chúng ta thấy: Chữ thài-lài đối với chữ Gianh trúc không thấy chỉnh chút nào. Có ý kiến cho rằng đây là lỗi “tam sao thất bản”, chứ tác giả làm thơ, như chúng ta đã biết rất cẩn nhắc và rất chỉnh đốn về đối chọi, nhưng ở đây chữ Thài-lài là một thứ cỏ leo mà sao lại đối được với chữ gianh trúc? Mà gianh trúc là gì? Xin thưa, thoạt đầu thấy cũng kỳ thật, nhưng rồi suy nghĩ ra lại thấy đúng. Đối nay! Và còn hay nữa. Chữ gianh là cỏ tranh tiếng Bắc hay đọc là gianh, ít ai đọc là tranh, cỏ tranh thuộc loài lau sậy tiếng Hán đọc là “lô” (vi lô) chữ trúc là tre. Lau với tre là biểu hiện đặc thù của dân tộc Việt. Gậy tre Phù Đổng thẳng quân Ân. Cờ lau Đinh Tiên Hoàng vạn thẳng 12 sứ quân, tác giả thường dùng “tre lau” để nêu tinh thần Việt, như:

Trầm mặc trong rừng rậm
Còn tinh thần “tre lau”
Ánh vinh quang lẫm lẫm
Trong người phải tìm đâu.

Tinh thần là như thế; còn chữ nghĩa thì: Thài lài đối với tre lau còn gì tuyệt bằng nhưng vì vấn đề bằng trắc âm thanh, luật, điệu của thơ nên phải miễn cưỡng dùng chữ trúc tức gianh trúc để nó âm trắc mà đối với thài lài âm bằng. Văn hay văn đối thế mới độc đáo!

Hồng Lạc tính linh ta bất tử: Tác giả xác nhận là do anh khí thiêng liêng của Tổ tiên Hồng Lạc hun đúc nên mình, đó là tinh thần bất tử. Có ý cho rằng “Tự cho là hậu thân của trang bất tử “Tản Viên sơn thánh”. Bây giờ lại làm việc đời. Ấy là một thuật tạo lòng tin tưởng” (Tín Hải).

Hoàng Long: Là một mệnh danh, căn cứ theo Tản Viên Sơn Thánh Ngọc Phả “Thấy rồng vàng xuất hiện ở giếng, bà Đinh Thị ra giếng gánh nước về tắm. Ý tình thấy xúc động mà mang thai.”

Bán củi chợ Trường An: Theo Ngọc Phả: Khoảng 12 tuổi trở đi, Sơn Thánh trở về Động Làng Sương vừa đi học vừa kiếm củi bán lấy tiền nuôi mẹ. Chữ Trường An ở đây có lẽ không phải là Trường An, Gia Viễn thuộc tỉnh Ninh Bình (thủ đô nhà Đinh). Vì thời gian và không gian không cho phép tin như thế. Sơn Thánh ở vào thời Hùng Vương 240 trước TL. Đinh Tiên Hoàng (968 – 980 sau TL. Cách nhau mười mấy thế kỷ. Nên không có thể gánh củi từ Động Làng Sương

(Tản viên) xuống Ninh Bình mà bán. Có lẽ Trường An ở đây chỉ là mượn để nói về một nơi kẻ chợ, có thể như thủ đô Phong Châu lúc bấy giờ.

Kinh: Nâng cao, chống vững.

Nhất nguyên: Danh từ triết học thuộc phạm trù “NGƯỜI”.

Vô hạn: Không có hạn định nào. Chữ vô hạn ở đây dùng thay chữ “vô nguyên”, danh từ triết học thuộc phạm trù vũ trụ.

Xuất nhập: Ra vào. Ở đây thuộc về triết nghĩa như chữ “nhất hạp”, “nhất tịch”.

Thượng kính: Đường dọc trong la bàn tức là Tý – Ngọ tuyến: Vũ trụ vận động.

B. ĐẠI Ý TỔNG QUÁT

Tác giả tự giới thiệu thân thế, sự nghiệp từ vãng kiếp tiền nhân qua tái thế hiện sinh. Vì một nhân duyên lớn do lòng thương yêu nước nòi, mang một tư tưởng cao siêu, chủ trương xây dựng, điểm tô một tương lai huy hoàng cho non sông Hồng Việt.

C. Ý NGHĨA CHI TIẾT

Là một người Tiên mang tâm hồn mẹ, mang thể chất cha, gọi chung là giống Tiên Long, sống trong đất nước Tiên Long Châu cũng gọi là Doanh Châu. Nói “*Bồng Hồ trong chốn thiên thai nhà*” là nơi Tiên Long trong cảnh Tiên của nhà, khác với các bậc tiên xuất thế xa lánh cõi trần, sống ngoài vòng sinh tử.

Bởi không ăn cháo lú, nên nhìn suốt thấy mỗi tấc trái tiền duyên qua các tiền kiếp. Nhưng để gì nói ra những cảnh cảnh tình tình ấy tuy vẫn nhớ rằng hồn cũ trong giấc hương quan vẫn tha thiết mỗi tình làng nghĩa nước, cho đến mình nay trong cơ thể sự là người đương cuộc, dầu tái sinh hồn mộng dạ còn vương.

Ở đây ngày tháng dễ quên, trở lại trần gian chắc đã ba ngàn năm xa cách. Đây sân đào lý đón chào là cảnh nhộn nhịp của các bậc hiền tài dập dìu sau trước. Khiến tấc dạ linh đài bừng sáng cả một miền sông núi cỏ hoa. Trời đất qua bao độ nắng mưa mà sông xanh núi trắng vẫn dành cho ta ngôi cao quý nhất mà người đời hằng mong đợi.

Trước kia đã toan phất trần cõi gió, xa lánh cõi trần tục, tiêu dao hạc nổi mây ngàn. Nhưng đến khi ngoảnh lại nhìn thấy cái cơ may sáng rực trên cõi trời Nam Đàn. Đã đến lúc ứng hợp với lời “Sấm Mã Ngưu” có thể thực hiện trong dự liệu là

“Nội báỉ tả muôn quân tấp nập
Đông phong quanh quần lá dập dìu.”

Quả là cơ hội ngàn năm một thuở để gì bỏ qua! Bởi vậy còn xác định lập trường “Xuống núi hành đạo”.

Trong giờ lâm biệt, nhìn lại quang cảnh Động Đào, có lẽ đào hoa cửa động cũng biết được cái cơ hành chỉ của mình nằm trong thái độ của người quân tử “kiến cơ” (kiến cơ nhi tác). Và “Bích ngọc đầu non” cũng vì mình mà tỏ tình khứ lưu. Nằm được cái cơ quyết thắng, cái đạo quyết thắng mà mình biết chiếm được đó là cái đạo Đồ Thư. Nằm được cái đạo Đồ Thư để nhập thể đi vào cõi Đại Nam Hải cùng với trăm dân (Bách tính) có đủ mưu trời chước quỷ làm lực lượng, làm phương tiện để xây dựng lại một nền kỷ cương mới. Chỉ có hoa cỏ Doanh Châu mới biết mà nhận ra chủ nhân vốn là người cũ, xa cách 3000 năm, nay lại trở về, không có gì xa lạ. Trái lại chủ nhân nhìn thấy bờ cõi Doanh Châu thấy có thay đổi. Bởi trước kia bờ cõi nước non Lạc Nhữ nằm trong khoảng cách “Gió đèo Ngũ Lĩnh mây quan Trà Bà” gồm cả Đại Nam Hải vào trong rộng lớn biết bao nhiêu, mà hôm nay từ trung tâm Núi Tản Sơn Thao nhìn ra thấy bị rút nhỏ gần lại nhiều! Thế là bởi mình từ biệt nước non của nòi giống mà đi, đã để xảy ra những mối hờn thiên cổ! Thôi thì ngày nay quay về với giang sơn tổ quốc quyết mở mang gìn giữ cho đến vạn xuân mãi mãi.

Lại còn một việc thay đổi nữa, nhưng là một điềm lành là “dưới lớp thài lài, hình rồng ngấn cũ đã bay đi để hiện lên tinh thần tre lau, hun đúc nên một con người Việt. Chính là cái tinh hoa của tổ tiên Hồng Lạc bắt tử kia đã chung đúc nên con người của ta đây. Cho nên khi ngoảnh nhìn về kiếp trước thấy tắc dạ tần ngần lo lắng cái trách nhiệm kế thừa từ dĩ vãng, mở mang đến tương lai.

Lại nhớ buổi Hoàng Long ứng hiện mà sinh ra đời; đến lúc đi bán củi ở chỗ Trường An, tiền thân ta đích thị là con cháu nòi Hồng Lạc, tên gọi Tản Ngàn, cũng là người sáng lập ra một nền đạo lý.

Nền đạo lý ấy như thế nào? Đạo ở chỗ “nhiếp thiên căn”, tìm ra “nhân”, khai triển phạm trù “nhân” ra lý thuyết “nhân chủ”. Nâng cao nhân chủ lên tư thế độc lập để xây dựng nền triết học “Duy Nhân”. Đó là phần đại thể (phần lý luận thuần túy – Théorique pur).

Trong cái thể còn có cái dụng; phần dụng của đạo là cơ; cơ trong nguyệt quật. Thăm dò nơi nguyệt quật tìm ra “vật”. Khai vật thành vụ thực tiễn vụ một cách thần dụng là tri cơ. Cho nên nói thấy cơ mà hành động (kiến cơ nhi tác) để cho được chu toàn. Đó là thực tiễn lý luận (théorique pratique).

Đạo hay cơ là do con người. Con người “nhất nguyên” thu tóm quyền lực vào ngôi Hoàng cực (Lạc thư). Cao quý nhất trong cái vô hạn là vũ trụ “vô nguyên” tràn ra khoáng thế gian tức là nói cái cơ xuất nhập cũng như nói “nhất hạp nhất tịch” chuyển vần theo đường thượng kính là đường Tý Ngọ tuyến, đó là quy luật vận động của đạo. Cứ theo đạo mà lưu hành thì ngàn năm ta gửi vào đó một nếp sống thanh nhàn. Thanh nhàn là không lao lực. Hữu vi mà là vô vi (Vô vi nhi trị: không làm mà trị).

D. Bình Luận

Có ý kiến cho rằng: Tác giả có tư tưởng "lập dị". Tự nhận là tiên, nói những truyện ở kiếp này kiếp nọ bằng những lời thơ đượm màu huyền bí. Nhất là ở những bài hành khúc. Điển hình như bài Bạch Sơn Hành này chẳng hạn. Ý niệm trên đây kể ra thì cũng đúng, nhưng chỉ đúng ở một trong hai mặt của vấn đề mà tác giả chủ trương. Nếu cho là lập dị thì cần phải biết cả hai mặt lập dị mới hiểu rõ được một vấn đề.

Chẳng hạn trong một câu thơ đầu bài thơ này. Chữ Bồng hồ không những nên biết nó là một chữ lập dị ở đầu câu mà còn nên biết chữ "thiên thai nhà" cũng là chữ lập dị. Biết được hai đầu cực đoan lại còn phải biết cả chữ "trong" ở giữa nó là một gạch nối quan trọng để thống nhất hai đầu đối lập. Nói theo danh từ triết Đông nó là "lưỡng nhất tính" hay là triết học "lưỡng thể".

Đây là chỉ mới kể đến cái tính cách của từ ngữ; còn phải đi sâu vào ý nghĩa của cả câu: Bồng hồ là cái cảnh tiên nhưng là xuất thế tiên, xa lánh cõi trần, mà lại ở trong cảnh thiên thai nhà, cũng là cảnh tiên nhưng dù nhập thế tiên. Chữ xuất, chữ nhập là nghĩa của câu "nhất hạp nhất tịch chi vị đạo" Đạo gì? Thưa là đạo "âm dương". Kinh Dịch nói: "Nhất âm nhất dương chi vị đạo". Âm dương là đầu đối cực nhưng không thể lìa nhau. Nếu chỉ có một đầu âm thôi thì không sinh được, trái lại nếu chỉ có một đầu dương thôi thì cũng không thành được (Cô âm bất sinh, độc dương bất trưởng). Chữ "nhà" nói lên cái tình người từ nhà đến làng đến nước đến xã hội rất ư là thân thiết thương yêu. Cái gọi là tư tưởng lập dị của tác giả nếu là ở chỗ đó. Nếu chỉ thấy có một mặt đối cực thì không hiểu nổi thơ của tác giả.

Còn như nói tác giả tự nhận là tiên?

Nhận là tiên chẳng phải là muốn lập dị. Con người có lòng yêu thương nòi giống một cách thiết tha, không những không quên gốc, mà còn có tinh thần tự ái giống nòi cao, muốn làm vẻ vang nòi giống Tiên Long của mình. Nhận mình là dòng dõi của một trong số 50 con theo mẹ lên núi. Là Tiên để luôn luôn giữ tư cách thanh cao của mẹ trong tư tưởng mà vẫn mang dòng máu quật khởi kiên cường của cha Rồng trong hành động. Cho nên nói: "Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà". Chủ trương nhà! Thiên thai nhà! Ôi! nghe sao mà ấm áp, thương yêu cao quý tình nòi nghĩa nước đến thế!

Nói truyện về kiếp này kiếp nọ, cũng là một cách nhắc nhở đến vấn đề trọng trách, nhiệm vụ của mình đối với lịch sử thời đại. Bởi vì quan niệm: Con người từ kiếp dĩ vãng sinh ra kiếp hiện tại, và hiện tại sinh ra tương lai. Vãng sinh, hiện sinh, lai sinh ba kiếp này sống trong một con người hiện sinh, cho nên thơ nói: "Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi", ấy là nhắc cái nhiệm vụ hiện sinh là phải lo "kế vãng và khai lai".

Có một ý kiến đặt vấn đề về hai câu trong đoạn thơ, tác giả đương tự thuật về truyện đi về từ kiếp trước về kiếp hiện tại "Biệt nước non đi thiên cổ hận - Về giang sơn lại vạn niên xuân" như sau:

1/ Hai câu này có nên hiểu theo nghĩa rộng hơn là tác giả có ý nhắn nhủ nếu ta vội từ bỏ những tinh hoa của đất nước của tổ tiên, của dân tộc để rước ngay những gì tưởng là tinh hoa của người về thì sẽ đem đến bao đau thương

hồi tiếc. Còn nếu trở về phát huy những tinh hoa của ông cha thì thực hiện được một nền thái bình vạn xuân.

2/ Cũng ý trên hai câu này. Hoặc là nói khi tác giả bỏ đất nước ra đi, và trở về năm 1943 là lại giang sơn?

Chúng tôi rất đồng ý với hai ý kiến trên. Ý kiến thứ nhất lý luận rất đúng và hay. Ý kiến thứ hai thời gian rất gần gũi và thực tế. Nhưng có lẽ chúng ta nên cứ để ở ngoài mà hiểu vọng vào để tỏ lòng "kính nhi viễn chi" đối với nguồn cảm hứng nhất khí của tác giả đương tự tình tâm tư riêng biệt của mình lúc "biệt nước non đi". "Lúc về giang sơn lại"...Trong khoảng 3000 năm vận hội chúng ta chưa biết cái vận hội ấy nó nhằm vào khoảng thời gian nào? Còn cái "Thiên cổ hận" kia nó là những mối hận "Núi Tản sông Thao rút nhỏ gần" hay chỉ là cái hận ra đi? Nếu thế thì cho việc ra đi là sa chân lỡ bước sao? (Nhất thất khức thời thiên cổ lự).

Vấn đề văn chương huyền bí trừu tượng? Tác giả có diễn tả những chuyện đi về; xuất xử bằng những từ ngữ biểu tượng rất tinh tế, sâu sắc, ẩn ẩn hiện hiện thêm phần ly kỳ, trừu tượng huyền bí đó là văn chương của mẹ Tiên thuộc âm, phô diễn vòng ngoài để bọc lấy phần thực tiễn lý luận, phần thực dụng của cha Rồng thuộc dương ở trong, theo phương châm: "Thể chi nhân, tàng chi dụng".

Suốt ba đoạn trên, văn chương mẹ huyền bí để bọc lấy đoạn kết phần dưới là cả một hệ thống tư tưởng lỗi lạc cao siêu, một nền triết học vững chắc để thực dụng. Nào những phạm trù Đạo, Cơ, nào những nguyên lý nhất nguyên, vô hạn, xuất nhập sẽ đem ra khai triển có một giá trị tuyệt đối và vô cùng vi diệu giúp cho nhân loại xây dựng một nền văn minh tươi sáng vĩnh cửu./.